

Phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực phát triển của TP. Hồ Chí Minh

NGUYỄN ĐÌNH BÌNH*

Sự phát triển của kinh tế tư nhân (KTTN) đã đóng góp to lớn vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của TP. Hồ Chí Minh, tuy nhiên, kỳ vọng để khu vực kinh tế này trở thành động lực của nền kinh tế, thì vẫn còn nhiều việc phải làm. Bài viết tập trung làm rõ những nút thắt khiến KTTN chưa trở thành động lực phát triển của kinh tế Thành phố, trên cơ sở đó kiến nghị một số giải pháp phát triển KTTN trong thời gian tới.

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KTTN CỦA THÀNH PHỐ

Theo số liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (DN) (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính đến ngày 31/12/2018, TP. Hồ Chí Minh có 228.265 DN đang hoạt động, tăng 10,7% so với cùng thời điểm năm 2017¹. Trong đó, DN đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh là 219.134, chiếm 96% trong tổng số DN đang hoạt động có hiệu quả trên địa bàn Thành phố, tăng 9,38% so với năm 2017.

Trong tổng số DN đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh, khu vực DN ngoài nhà nước chiếm tỷ lệ áp đảo và tăng lên qua các năm, từ 175.184 DN năm 2017, lên 194.070 DN năm 2018, chiếm 97,4% trong tổng số DN đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh của Thành phố. Khu vực DN ngoài nhà nước đã thu hút lượng vốn đầu tư 5,97 triệu tỷ đồng, chiếm 74,2% vốn của toàn bộ khu vực DN và tạo ra 2.137.692 lao động, chiếm 71,8% tổng lao động trong toàn bộ khu vực DN. Doanh thu và lợi nhuận trước thuế của khu vực DN ngoài nhà nước cũng tăng đều qua các năm, góp phần to lớn vào tổng GRDP của Thành phố và sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Trong tổng 1.225.544 tỷ đồng GRDP năm 2018 của Thành phố, KTTN đóng góp 676.125 tỷ đồng, chiếm 55,16% (Bảng 1).

NHỮNG NÚT THẮT

Bên cạnh những kết quả đạt được, sự phát triển của khu vực KTTN TP. Hồ Chí Minh vẫn còn tiềm ẩn nhiều khó khăn, làm cho KTTN chưa trở thành động lực thực sự của nền kinh tế.

Thứ nhất, tỷ lệ các DN cỡ vừa và lớn còn thấp là một trở ngại lớn của KTTN Thành phố trong bối cảnh hội nhập

KTTN của TP. Hồ Chí Minh cũng nằm trong tình hình chung của KTTN Việt Nam, đó là tỷ lệ DN nhỏ

và siêu nhỏ còn chiếm tỷ lệ cao trong tổng số DN đang hoạt động của Thành phố. Trong tổng số DN ngoài nhà nước đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh, thì hơn 97% DN có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, trong khi DN có quy mô vừa và lớn chỉ chiếm khoảng gần 3% (Cục Thống kê TP. Hồ Chí Minh, 2019a). Nếu tính cả 475.825 hộ kinh doanh cá thể vào trong khu vực KTTN, thì DN nhỏ và siêu nhỏ còn chiếm một tỷ lệ cao hơn. Để chứng minh cho những nhận định trên, tác giả lần lượt phân tích tình hình hoạt động của DN ngoài nhà nước thông qua 2 chỉ số quy mô lao động và quy mô vốn.

Xét theo quy mô lao động: Theo số liệu từ Cục Thống kê Thành phố, DN dưới 10 lao động là 168.463 DN, chiếm 84,83%, DN từ 10 đến 49 lao động là 24.922, chiếm 12,55%, DN có quy mô lao động từ 50 người trở lên chỉ chiếm 2,62%, với 5.202 DN. Chiếu theo Điều 6, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, thì tỷ lệ DN siêu nhỏ và nhỏ của khu vực KTTN Thành phố chiếm 97,38%, tỷ lệ DN quy mô vừa chiếm 2,05%, đặc biệt là những DN có quy mô lớn, đủ sức cạnh tranh với các tập đoàn kinh tế nước ngoài chỉ chiếm 0,57%. Đây là một trở ngại lớn của khu vực KTTN Thành phố, khiến cho khu vực KTTN chưa khai thác hết tiềm năng, thế mạnh của mình để trở thành động lực thực sự của nền kinh tế.

* TS., Trường Đại học Sài Gòn

¹ Sách trắng DN TP. Hồ Chí Minh năm 2019

Xét theo quy mô vốn đầu tư: Trong tổng số DN của khu vực tư nhân đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh của Thành phố, số DN có quy mô vốn dưới 1 tỷ đồng là 54.537, chiếm 27,6%; DN có quy mô vốn từ 1 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng chiếm 67,39%, với 133.174 DN. Trong khi đó, DN có quy mô vốn đầu tư lớn từ 200 tỷ đồng trở lên chỉ chiếm 1,53%, với 3.512 DN. Chiếu theo Điều 6, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, DN ngoài nhà nước có quy mô siêu nhỏ và nhỏ trên địa bàn Thành phố chiếm 94,99%, trong khi tỷ lệ DN quy mô vừa là 3,48% và DN quy mô lớn chỉ chiếm 1,53% trong tổng số DN đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh.

Việc thiếu các DN có quy mô trung bình và lớn đã dẫn đến các DN ngoài nhà nước của Thành phố chủ yếu thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh dựa trên lợi thế về chi phí thấp, như: nhân công giá rẻ, khai thác tài nguyên sẵn có và các mối quan hệ hơn là dựa trên nền tảng về kiến thức, công nghệ, đổi mới và sáng tạo. Quy mô sản xuất nhỏ làm cho danh nghiệp ngoài nhà nước của Thành phố ít có khả năng tiếp cận công nghệ hiện đại, đổi mới dây chuyền sản xuất để tạo ra những sản phẩm có hàm lượng chất xám cao. Đây là những vấn đề lớn, khiến KTTN chưa trở thành động lực mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường theo tinh thần Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 03/6/2017, Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và yêu cầu phát triển của Thành phố.

Thứ hai, tình trạng phi chính thức của khu vực KTTN

Một thực tế cho thấy, trong khu vực KTTN, các hộ kinh doanh chiếm tỷ lệ áp đảo. Theo số liệu thống kê, đến năm 2018, hộ kinh doanh chiếm hơn 71,03%, với hơn 475.825 cơ sở sản xuất, kinh doanh. Với quy mô sản xuất siêu nhỏ, các hộ kinh doanh chủ yếu tập trung vào những ngành, nghề có giá trị gia tăng và hiệu quả kinh tế thấp. Điều đáng nói là hộ kinh doanh không được coi là một loại hình DN, vì vậy được gọi là khu vực phi chính thức.

Thực tiễn cũng cho thấy, những quy định yêu cầu về chế độ kế toán, báo cáo tài chính, bảo hiểm xã hội, ngành nghề

BẢNG 1: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DN NGOÀI NHÀ NƯỚC TP. HỒ CHÍ MINH

| | | 2017 | 17 | 18 |
|--|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Tổng số DN đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh | DN | 167.144 | 175.184 | 194.070 |
| Vốn | Tỷ đồng | 4.513.393 | 4.458.612 | 5.975.115 |
| Lao động | Người | 2.115.695 | 2.120.251 | 2.137.692 |
| Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 2.757.606 | 3.339.796 | 3.815.624 |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 60.975 | 88.644 | 88.846 |
| Đóng góp vào GRDP | Tỷ đồng | 565.287 | 607.110 | 676.125 |

Nguồn: Sách trắng DN TP. Hồ Chí Minh năm 2019
(Số liệu trên chưa tính hộ kinh doanh)

kinh doanh có điều kiện, phòng cháy chữa cháy, thủ tục đăng ký kinh doanh... không bị ràng buộc chặt chẽ đã vô tình làm cho khu vực phi chính thức ngày càng gia tăng. Điều này đang tạo ra những hệ lụy không nhỏ cho khu vực KTTN và nền kinh tế Thành phố, thể hiện trên một số điểm sau:

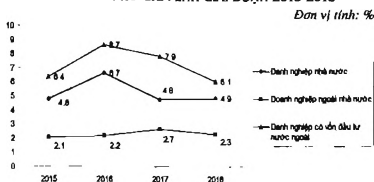
- **Đóng góp vào GRDP và ngân sách của Thành phố chưa tương xứng.** Khu vực phi chính thức chiếm 71,03% số lượng cơ sở sản xuất trong khu vực KTTN, nhưng chỉ đóng góp 7,89% vào tổng GRDP, tương đương 96,745 tỷ đồng. Trong khi đó, khu vực chính thức chỉ chiếm 28,97% số lượng cơ sở sản xuất nhưng lại đóng góp hơn 47% GRDP của Thành phố (Cục Thống kê TP. Hồ Chí Minh, 2019a).

Với việc quy định hộ kinh doanh có thể áp dụng hình thức thuế khoán, dẫn đến tình trạng một số hộ kinh doanh có lợi nhuận cao thỏa thuận với cơ quan thuế, nên tỷ lệ thu ngân sách so với giá trị thực tế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh rất thấp, làm lãng phí nguồn lực của Thành phố. Mặt khác, việc "thỏa thuận" có thể tạo ra những tiêu cực không đáng có trong cơ quan nhà nước, đồng thời làm suy giảm tinh thần tự tôn của đội ngũ doanh nhân, làm nhụt ý chí vươn ra biển lớn của đội ngũ doanh nhân Thành phố. Họ không muốn lớn để lách những khe hở của pháp luật, nhằm tránh phải thực thi đầy đủ các quy định về an toàn lao động, an sinh xã hội, báo cáo tài chính và thuế.

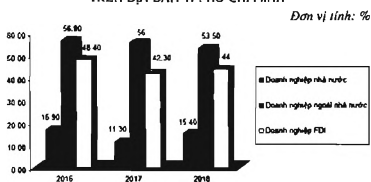
- **An sinh xã hội bị ảnh hưởng.** Theo Cục Thống kê TP. Hồ Chí Minh, với hơn 475.825 cơ sở sản xuất, kinh doanh, hộ kinh doanh trên địa bàn Thành phố đang trực tiếp tạo công ăn việc làm cho hơn 827.183 lao động. Tuy nhiên, do những quy định chưa chặt chẽ đối với hộ kinh doanh, nên phần lớn cơ sở sản xuất, kinh doanh không tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động, khiến họ phải chi trả các khoản khi ốm đau, bệnh nghề nghiệp, thai sản và rất dễ bị tổn thương khi mất sức lao động, về già. Hệ quả là những khoản, mà đáng lẽ ra DN phải tham gia gánh vác một phần này, đã được đẩy qua cho cá nhân người lao động và Nhà nước, làm ảnh hưởng rất lớn đến an sinh xã hội.

- **Quy mô sản xuất của hộ kinh doanh phần lớn là siêu nhỏ,** hiệu quả sản xuất, kinh doanh không cao cùng với những biện pháp lách luật của một số hộ kinh

BIỂU ĐỒ 1: TỶ SUẤT LỢI NHUẬN TRÊN DOANH THU CỦA DN TP. HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2015-2018



BIỂU ĐỒ 2: TỶ LỆ DN KINH DOANH THUẢ LỖ TRÊN ĐỊA BÀN TP. HỒ CHÍ MINH



Nguồn: Sách trắng DN TP. Hồ Chí Minh năm 2019

doanh đã làm cho mức đóng góp của khu vực này vào ngân sách của Thành phố rất thấp. Thực tế này cũng làm ảnh hưởng đáng kể đến nguồn tài ngân sách hàng năm và do đó, ảnh hưởng đến các chính sách an sinh xã hội của Thành phố.

Tạo tâm thế ý lại trong đội ngũ doanh nhân. Sự không chặt chẽ trong các quy định đối với hộ kinh doanh đã làm cho một bộ phận hộ kinh doanh trực lợi từ chính sách của Thành phố. Hệ lụy của vấn đề này là quy mô DN tư nhân không lớn và không muốn lớn để hưởng lợi từ chính sách, cũng như sự quản lý lỏng lẻo của Nhà nước. Tâm thế không lớn và không muốn lớn của đội ngũ doanh nhân đã làm cho quy mô của DN tư nhân Thành phố không đủ sức cạnh tranh với DN nước ngoài trong quá trình hội nhập.

Thứ ba, tỷ suất lợi nhuận của khu vực KTTN còn thấp

Quy mô sản xuất nhỏ, hoạt động chủ yếu trong các ngành có lợi ích kinh tế không cao, khả năng tiếp cận các nguồn lực, như: đất đai, tín dụng và cơ hội kinh doanh kinh tế. Trong khi đó, các lợi thế tuyệt đối về vốn, công nghệ, liên kết thị trường không nhiều đã làm cho tỷ suất lợi nhuận của khu vực DN ngoài nhà nước ở TP. Hồ Chí Minh trở nên đáng báo động. Số liệu thống kê cho thấy, tỷ suất lợi nhuận trước thuế so với doanh thu thuần của DN nhà nước giai đoạn 2015-2018 đều đạt trên 4,8% (Biểu đồ 1). DN có vốn đầu tư nước ngoài đạt từ 6% trở lên, trong khi đó tỷ suất lợi nhuận của khu vực DN ngoài nhà nước thấp hơn rất nhiều, chỉ đạt 2,1% năm 2015, dù có tăng nhẹ lên

2,3% năm 2018, nhưng cũng chỉ bằng ¼ so với lãi suất ngân hàng cho vay. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thấp chứng tỏ chi phí cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN ngoài nhà nước chưa hợp lý. Điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến khả năng tích tụ tư bản và sự phát triển của đội ngũ DN vừa và lớn. Nếu so với tài sản của DN, tỷ suất lợi nhuận của DN ngoài nhà nước còn thấp hơn, chỉ đạt 1,2% năm 2015 và tăng nhẹ lên 1,5% năm 2018².

Thứ tư, tỷ lệ DN kinh doanh thua lỗ chiếm tỷ lệ cao

Một trong những vấn đề lớn đang kim hãm sự phát triển của DN ngoài nhà nước trên địa bàn Thành phố là tỷ lệ DN kinh doanh thua lỗ còn chiếm tỷ lệ khá cao. So với DN nhà nước và DN đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tỷ lệ DN ngoài nhà nước kinh doanh thua lỗ trong giai đoạn 2016-2018 ở mức rất cao, từ 56,8% năm 2016 và giảm nhẹ vào năm 2018, nhưng vẫn chiếm 53,5% trong tổng số DN đang hoạt động (Biểu đồ 2). Tình trạng kinh doanh thua lỗ trong khu vực DN ngoài nhà nước đang tạo ra một bộ phận DN “sống thực vật” của nền kinh tế, làm méo mó thị trường, hạn chế việc tiếp cận các nguồn lực tài chính, nhân sự của các DN khác, tạo ra những hệ lụy cho cả khu vực kinh tế ngoài nhà nước, khiến cho KTTN chưa trở thành động lực thực sự của nền kinh tế.

GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY KTTN PHÁT TRIỂN

Để phát huy hiệu quả các tiềm năng của KTTN, đưa KTTN trở thành động lực của nền kinh tế, Thành phố cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, xây dựng chiến lược phát triển hệ thống DN tư nhân quy mô vừa và lớn có năng lực cạnh tranh cao, tham gia tích cực vào chuỗi giá trị toàn cầu. Để thực hiện được mục tiêu này, Thành phố cần có những chính sách ưu đãi thuế nhằm hỗ trợ phát triển DN quy mô nhỏ, trọng tâm là giảm thuế thu nhập DN đối với loại hình DN này. Đã đến lúc phải thiết lập danh mục các DN quy mô nhỏ vào diện quan tâm đặc biệt, thậm chí mức thuế thu nhập đối với loại hình DN này phải thấp hơn mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các dự án đầu tư mới tại địa

² Sách trắng DN TP. Hồ Chí Minh năm 2019

bản có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, lĩnh vực chế biến nông sản, thủy sản, tức là thực thu nhập có thể ở mức 10%-15%. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ khu vực KTTN ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, kinh doanh bằng các biện pháp: chính sách tài chính, tín dụng, miễn thuế đối với các DN tư nhân đầu tư xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng nghiên cứu, trang thiết bị và nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học. Đây là những biện pháp toàn bộ để kích thích khả năng tích tụ vốn của từng DN, tạo nền tảng để hình thành và phát triển hệ thống DN có quy mô vừa và lớn, đưa KTTN Thành phố trở thành động lực mạnh mẽ của nền kinh tế.

Hai là, đề xuất với Chính phủ xây dựng lộ trình chính thức hóa hộ kinh doanh. Thực hiện rà soát lại toàn bộ hộ kinh doanh, yêu cầu các hộ kinh doanh lớn, có lợi nhuận cao nhưng đang lợi dụng những quy định chưa chặt chẽ về thuế và các điều kiện khác tiến hành đăng ký chuyển đổi thành DN. Xây dựng lộ trình và các chính sách hỗ trợ đối với các hộ kinh doanh nhỏ, khuyến khích tích lũy vốn để mở rộng sản xuất, tăng quy mô và từng bước chính thức hóa thành DN tư nhân. Song song với quá trình này, Thành phố cần nghiên cứu đề xuất với Chính phủ cải cách mô hình DN tư nhân, tạo sức hút đối với các chủ thể đăng ký thành lập DN tư nhân thay vì thành lập hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn Thành phố. Những quy định mới phải đảm bảo nguyên tắc các gánh nặng về chi phí tuân thủ, gánh nặng về pháp lý, về chế độ thuế và bảo cáo tài chính áp dụng đối với loại hình DN tư nhân phải ngang bằng với loại hình hộ kinh doanh cá thể.

Ba là, cần có những chính sách khuyến khích, hỗ trợ KTTN đầu tư vào các lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao và các hoạt

động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh tế. Để KTTN trở thành động lực thực sự của nền kinh tế, thì các chính sách từ Thành phố cần chú trọng làm tăng các chỉ số về giá trị gia tăng, hoạt động sáng tạo, phát minh sáng chế, năng suất và chất lượng sản phẩm, các tiến bộ về công nghệ và khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Để đạt được những mục tiêu đó, Thành phố cần có chính sách khuyến khích khu vực KTTN ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ có lộ trình trên cơ sở năng lực của từng DN nhằm tích lũy về kinh nghiệm, kiến thức, bí quyết, công nghệ và dần dần chuyển qua giai đoạn phát minh, sáng chế. Chính quyền Thành phố cần tăng nguồn ngân sách đầu tư cho nghiên cứu khoa học và công nghệ, nghiên cứu và phát triển đối với khu vực KTTN. Có chính sách hỗ trợ khu vực KTTN thành lập các trung tâm nghiên cứu và phát triển, đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ, tạo cơ chế bình đẳng trong việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, phổ biến và bảo hộ các sản phẩm khoa học.

Bốn là, chính quyền Thành phố cần đẩy mạnh cải cách thể chế, tạo điều kiện cho khu vực KTTN bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn lực về vốn, đất đai, nhân lực và các cơ chế chính sách nhằm góp phần giảm chi phí phát sinh trong quá trình giao dịch của DN, từng bước nâng cao lợi nhuận cho DN. Thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với DN nhỏ và vừa, các DN sản xuất hàng thiết yếu nhằm góp phần giảm chi phí sản xuất. Tiến hành rà soát lại hệ thống DN, đặc biệt là các DN "sống thực vật" để có giải pháp hữu hiệu trong thời gian tới.

Thành phố cần thiết lập cơ chế giám sát nhằm đảm bảo cho các DN trong khu vực KTTN có cơ hội bình đẳng so với các khu vực khác trong việc tiếp cận các nguồn lực để phát triển, như: môi trường đầu tư, đất đai, tín dụng và các thủ tục pháp lý về liên doanh, liên kết trong sản xuất, kinh doanh và nghiên cứu, ứng dụng nhằm từng bước cải thiện năng lực cạnh tranh của khu vực KTTN. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, tạo cơ chế thông thoáng, minh bạch trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động kinh tế, góp phần giảm chi phí cho DN. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê TP. Hồ Chí Minh (2019a). *Niên giám Thống kê năm 2018*. Nxb Thống kê
2. Cục Thống kê TP. Hồ Chí Minh (2019b). *Sách trắng Doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh năm 2019*, Nxb Thống kê
3. Viện Chính sách và Chiến lược Công nghệ (IPSI) (2018). *Tài liệu hội thảo "Công nghiệp hỗ trợ trong kỷ nguyên 4.0"*
4. Lê Duy Bình và đồng nghiệp (2018). *Khung khổ về Quản trị Công ty tại Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam*, OECD 2018
5. *Economica Vietnam* (2018). *Tổng quan Quản trị Công ty tại ASEAN*
6. OECD/World Bank (2014). *Science, Technology and Innovation in Viet Nam*, access to <http://dx.doi.org/10.1787/9789264213500-en>